

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28-7-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Yên;
2. Ông Nguyễn Khắc Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị L, sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ dân phố T, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T (tên gọi khác: T1), sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ dân phố T, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 14-3-2017, Biên bản lấy lời khai ngày 19-6-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Ngô Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Đức T trên cơ sở tự nguyện từ năm 1993, đến ngày 13-7-2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Chị và anh T sống hòa thuận, hạnh phúc được hơn 22 năm thì phát sinh mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm sống

về mọi mặt, không tin tưởng nhau về tình cảm cũng như về kinh tế. Năm 2015, khi anh T đi làm công nhân tại Công ty Giấy thơm đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Khi chị phát hiện ra có khuyên can, nhưng anh T không thay đổi phong cách sống mà còn có thái độ thách thức chị. Từ đó, tình cảm vợ chồng rạn nứt, lạnh nhạt và thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Tuy chị và anh T sống chung cùng một nhà nhưng lại ly thân từ tháng 2-2015 cho đến nay. Hai bên gia đình đã khuyên giải, nhưng tình cảm giữa chị và anh T vẫn không hàn gắn được. Đến tháng 2-2017, chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Trong thời gian này, anh T không tìm chị về chung sống. Anh chị không liên lạc với nhau, không có trách nhiệm hay quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh T.

- Về nuôi con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Đức T2, sinh ngày 06-01-1995 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 14-3-2001. Cháu T2 đã thành niên, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị nhận nuôi cháu H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Nếu cháu H có nguyện vọng ở với anh T thì chị để anh T nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong Bản tự khai ngày 16-6-2017, bị đơn là anh Nguyễn Đức T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T trình bày về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị L trình bày ở trên. Vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được hơn 23 năm thì phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nhau về tình cảm. Hai bên gia đình cũng đã khuyên giải nhiều lần, nhưng tình cảm anh chị không hàn gắn được. Từ tháng 2-2017, chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Anh thấy không còn tình cảm với chị L nên đồng ý ly hôn.

- Về nuôi con chung: Anh và chị L có 02 con chung là cháu T2 và cháu H như chị L nêu. Cháu T2 đã thành niên, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; với cháu H, anh tôn trọng sự lựa chọn của cháu, ở với ai là do cháu quyết định. Nếu cháu H có nguyện vọng ở với anh thì anh đồng ý nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 06-7-2017, anh T trình bày: Do công việc của anh rất bận, không có thời gian đến Tòa án để giải quyết vụ án được, giữa anh và chị L đã sống ly thân thời gian dài, không còn tình cảm với nhau, Vì vậy, anh đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật, anh chấp nhận quyết định của Tòa án và không khiếu kiện gì.

Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh T; về con chung, chị nhận nuôi cháu H, nhưng tôn trọng sự lựa chọn của cháu H,

nếu cháu H có nguyện vọng ở với anh T thì chị cũng đồng ý; về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt tại phiên họp, hòa giải ngày 26-6-2017 không có lý do đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị L xin ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị L và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy, không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của anh Nguyễn Đức T: Anh T đã có bản tự khai và đơn đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn cư trú tại: Tổ dân phố T, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[3]. Về hôn nhân: Chị Ngô Thị L và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng năm 2010. Theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4]. Xét tình trạng hôn nhân: Chị L và anh T chung sống hòa thuận được khoảng hơn 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị L, anh T bất đồng quan điểm trong đời sống hàng ngày, nghi ngờ thiếu niềm tin vào nhau về tình cảm và kinh tế. Chị L và anh T thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Sự mâu thuẫn này ngày càng lớn mà tự anh, chị không thể hòa giải được. Các tài liệu xác minh thể hiện tình trạng hôn nhân của chị L và anh T có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống của anh chị căng thẳng, không có hạnh phúc. Có thể thấy, quan

hệ hôn nhân giữa chị L và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T cũng đồng ý ly hôn chị L vì vợ chồng không còn tình cảm. Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị L và anh T ly hôn.

[5]. Về nuôi con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là: Nguyễn Đức T2, sinh ngày 06-01-1995 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 14-3-2001. Cháu T2 đã trưởng thành, chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị tôn trọng nguyện vọng của cháu H, muốn ở với ai là do cháu quyết định. Trong đơn đề nghị ngày 16-6-2017, cháu H nêu nguyện vọng được ở với anh T. Tại Bản tự khai ngày 16-6-2017 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 06-7-2017, anh T nêu: Nếu cháu H có nguyện vọng ở với anh thì anh cũng đồng ý. Tại phiên tòa, chị L cũng đồng ý giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

[6]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con, nên chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hoặc cho đến khi chị L và anh T có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7]. Về tài sản chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[9]. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đức T (tên gọi khác: T1).

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị H, sinh ngày 14 tháng 3 năm 2001 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hoặc cho đến khi chị L và anh T có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số AA/2010/7236 ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường B;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Yến Nguyễn Khắc Quyết

Phạm Hữu Trường

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Hợp Đức quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Hợp Đức quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường